

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN
CHUYÊN NGÀNH 1: SX VÀ QUẢN LÝ SX TRONG NHÀ CÓ MÁI CHE
CHUYÊN NGÀNH 2: THIẾT KẾ VÀ TẠO DỰNG CẢNH QUAN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
RQ04997: KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP VỀ SX VÀ QUẢN LÝ SX TRONG
NHÀ CÓ MÁI CHE
(THESIS ON GREENHOUSE PRODUCTION & MANAGEMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 8
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 10 (Lý thuyết 0 – thực tập 10) ; Tự học: 30**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Thực hành: 150 tiết, thời gian quy đổi là 300 tiết (mỗi tiết – 50 phút)
- Giờ tự học: 450 tiết (mỗi tiết 50 phút)
- Đơn vị phụ trách
 - Bộ môn: Rau hoa quả và cảnh quan
 - Khoa: Nông học
- Học phần thuộc khối kiến thức:

| | |
|--|---|
| Chuyên ngành 1 <input checked="" type="checkbox"/> | Chuyên ngành 2 <input type="checkbox"/> |
|--|---|
- Học phần tiên quyết: không; điểm tích lũy chung các học phần đạt 2,0.
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

*** Mục tiêu:**

- Học phần cung cấp cho người học kiến thức về:
Thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học hoặc dự án sản xuất trong lĩnh vực rau hoa quả và cây cảnh quan.
Viết và trình bày báo cáo khoa học về lĩnh vực rau hoa quả và cây cảnh quan.
- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng về:
Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề chuyên môn có cơ sở khoa học.
Tạo lập mối quan hệ nghề nghiệp, nâng cao kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc độc lập, ra quyết định.
- Hình thành cho người học năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thích ứng với vị trí việc làm, hoàn thiện đạo đức nghề nghiệp và tính chủ động trong công việc.

Có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện công việc và học tập khi có cơ hội.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

| Mã HP | Tên học phần | 2.2 | 4.1 | 4.3 | 5.1 | 5.2 | 5.3 | 5.6 | 6.1 | 6.2 | 6.3 | 6.4 | 7.3 |
|---------|---|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| RQ04997 | KLTN về sản xuất và quản lý sản xuất trong nhà có mái che | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M |

*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

| Chuẩn đầu ra | Chỉ báo của CDR |
|---|--|
| Kiến thức | |
| CDR2. Ứng dụng KT khoa học và kỹ thuật canh tác cây trồng vào SX các SP RHQ đáp ứng nhu cầu thị trường. | 2.2. Ứng dụng kỹ thuật canh tác cây trồng vào xây dựng mô hình kỹ thuật cao /qui trình tiên tiến SX SP RHQ đáp ứng nhu cầu thị trường. |
| Kỹ năng | |
| CDR4. Làm việc HQ trong một nhóm mà các thành viên cùng nhau tham gia lãnh đạo nhóm, tạo ra một MT hợp tác và hòa nhập, thiết lập MT, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các MT. | 4.1. Thể hiện kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian trong quá trình làm việc nhóm. |
| | 4.3. Vận dụng thành thạo kỹ năng đánh giá kết quả làm việc của cá nhân, nhóm và phối hợp với nhóm để cải tiến liên tục. |
| CDR5. Giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan (ông dân, khách hàng, nhà chuyên môn, nhà quản lý). | 5.1. Lắng nghe một cách tôn trọng và thấu hiểu. |
| | 5.2. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh giao tiếp học thuật và giao tiếp xã hội. |
| | 5.3. Vận dụng phối hợp các yếu tố giao tiếp (các cảm giác, cảm xúc và giá trị). |
| | 5.6. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin phục vụ công tác SX và thiết kế |
| CDR6. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn. | 6.1. Phát hiện vấn đề cần nghiên cứu. |
| | 6.2. Đánh giá chính xác điểm mạnh, điểm yếu, sự tương đồng và khác nhau của các PP khảo sát và lựa chọn PP phù hợp. |
| | 6.3. Triển khai đúng cách các PP khảo sát, nghiên cứu. |
| | 6.4. Suy luận dựa trên nền tảng khoa học vững chắc và đưa ra các kết luận hợp lý. |
| CDR7. Nghiên cứu thị trường nội địa và thế giới cho các SP RHQ&CQ đáp ứng các yêu cầu về sức khỏe cộng đồng, MT và kinh tế. | 7.3. Đề xuất các chiến lược PT SP RHQ&CQ đáp ứng yêu cầu về sức khỏe cộng đồng, môi trường và kinh tế VN và hướng đến thị trường thế giới. |

III. Nội dung tóm tắt của học phần

RQ04997. Thực tập tốt nghiệp sản xuất và quản lý sản xuất trong nhà có mái che (Thesis on greenhouse production and management) 10 (Lý thuyết 0 – thực tập 10) ; Tự học: 30

Khóa luận tốt nghiệp là học phần sinh viên cần thực hiện một dự án cụ thể về sản xuất và quản lý sản xuất về rau hoa quả và cảnh quan; trong đó có vận dụng và rèn luyện kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm; phát triển năng lực chuyên giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, lên kế hoạch, triển khai và giải quyết vấn đề có cơ sở khoa học; tạo lập các mối quan hệ nghề nghiệp.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thảo luận các tình huống nghiên cứu điển hình
- Hướng dẫn SV đọc nghiên cứu
- Hướng dẫn sinh viết đề cương và trình bày hội đồng
- Hướng dẫn thực hành, khảo sát, thu thập, phân tích dữ liệu
- Góp ý khóa luận và trình bày hội đồng

2. Phương pháp học tập

- Học qua thực hành: bố trí thí nghiệm, thu thập số liệu
- Thảo luận và thuyết trình.
- Tự học, tự nghiên cứu tài liệu
- Xử lý số liệu, viết khóa luận số liệu

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thái độ học tập: sinh viên phải chủ động thực hiện đầy đủ quy định về viết đề cương, khóa luận tốt nghiệp do Học viện, Khoa Nông học quy định (thời gian thực tập, thời hạn nộp đề cương, hồ sơ liên quan, thời gian bảo vệ...).
- Tham gia thực tập tốt nghiệp theo đúng chuyên ngành đào tạo và đúng thời gian quy định.
- Chủ động lựa chọn địa điểm thực tập, liên hệ giáo viên hướng dẫn trước thời điểm thực tập tốt nghiệp.
- Lập đề cương chi tiết cho đề tài lựa chọn và có sự tư vấn của giáo viên hướng dẫn.
- Nộp bản đề cương thực tập đã thông qua giáo viên hướng dẫn cho Bộ môn đúng thời gian quy định.
- Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Học viện và cơ sở thực tập trong thời gian thực tập tốt nghiệp.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10 điểm

2. Điểm trung bình của học phần: là điểm trung bình của các rubric gồm điểm giáo viên hướng dẫn, giáo viên chấm phân biện và 3 thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp.

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

| | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|-----|------|------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| KQHTMĐ | | 2.2 | 4.1 | 4.3 | 5.1 | 5.2 | 5.3 | 5.6 | 6.1 | 6.2 | 6.3 | 6.4 | 7.3 |
| Rubric 1. Giáo viên hướng dẫn (20%) | | 1.2 | 1.10 | 1.10 | 1.8 | 1.6 | 1.9 | 1.4 | 1.1 | 1.3 | 1.4 | 1.5 | 1.7 |
| Rubric 2. Giáo viên chấm phân biên (20%) | | 2.2 | | | 2.8 | 2.6 | 2.9 | 2.4 | 2.1 | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 2.7 |
| Rubric 3. Hội đồng thi tốt nghiệp (60%) | | 3.1 | | | 3.2 | 3.6 | 3.5 | 3.3 | | | 3.3 | 3.7 | 3.4 |

Rubric 1. Chấm điểm của giáo viên hướng dẫn (20%)

| Tiêu chí đánh giá | Trọng số (%) | Tốt 8,5-10 điểm | Khá 6,5 – 8,4 điểm | Trung bình 4,0 – 6,4 điểm | Kém 0 – 3,9 điểm | Điểm rubric | Điểm thành phần |
|---|--------------|--|---|--|--|-------------|-----------------|
| 1.1. Xác định tên đề tài phù hợp với nội dung nghiên cứu | 5 | Phù hợp với nội dung nghiên cứu | Khá phù hợp với nội dung nghiên cứu | Dài, có từ lặp, phù hợp trung bình với nội dung nghiên cứu | Không phù hợp với nội dung nghiên cứu | 0,5 | |
| 1.2. Viết phần mở đầu nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghiên cứu | 5 | Viết ngắn gọn, nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghiên cứu | Nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghiên cứu | Nêu được tầm quan trọng nhưng chưa rõ ràng về ý nghĩa của nghiên cứu | Chưa nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghiên cứu | 0,5 | |
| 1.3. Viết tổng quan tài liệu phong phú và cập nhật | 10 | Tập hợp được tài liệu phong phú, cập nhật và liên quan đến vấn đề nghiên cứu | Tập hợp được tài liệu cập nhật và liên quan đến vấn đề nghiên cứu | Tập hợp được tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu | Tập hợp được ít tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu | 1,0 | |
| 1.4. Sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp | 10 | Mô tả đầy đủ và rõ ràng | Mô tả đầy đủ nhưng chưa rõ ràng | Mô tả rõ ràng nhưng chưa đầy đủ | Mô tả sơ sài | 1,0 | |
| 1.5. Viết kết quả đầy đủ | 20 | Kết quả thu được đầy đủ và diễn giải logic | Kết quả thu được đầy đủ nhưng diễn giải chưa logic | Kết quả thu được diễn giải logic nhưng chưa đầy đủ | Kết quả thu được chưa đầy đủ và diễn giải không logic | 2,0 | |
| 1.6. Viết thảo luận với tài liệu đã công bố | 10 | So sánh các kết quả thu được với >10 tài liệu đã công bố | So sánh các kết quả thu được với 5-10 tài liệu đã công bố | So sánh các kết quả thu được với <5 tài liệu đã công bố | Không so sánh các kết quả thu được với tài liệu đã công bố | 1,0 | |

| | | | | | | | |
|---|----|---|--|---|---|-----|--|
| 1.7. Đưa ra kết luận và đề nghị ngắn gọn và trọng tâm | 5 | Ngắn gọn, nêu được những điểm mới và những điểm còn tồn tại | Nêu được những điểm mới và những điểm còn tồn tại | Chi liệt kê kết quả nghiên cứu | Chi liệt kê kết quả nghiên cứu và đề nghị không liên quan đến nội dung nghiên cứu | 0,5 | |
| 1.8. Sắp xếp bố cục đẹp | 5 | Bố cục cân đối | Khá cân đối | Đạt yêu cầu | Không đạt yêu cầu | 0,5 | |
| 1.9. Trích dẫn tài liệu tham khảo đầy đủ và đúng định dạng | 5 | Trích dẫn đầy đủ | Còn thiếu một số tài liệu chưa ghi nguồn trích dẫn | Thiếu nhiều tài liệu chưa ghi nguồn trích dẫn | Không ghi nguồn trích dẫn | 0,5 | |
| | 5 | Định dạng đúng quy định | 1-5 tài liệu chưa định dạng đúng quy định | 5-10 tài liệu chưa định dạng đúng quy định | >10 tài liệu chưa định dạng đúng quy định | 0,5 | |
| 1.10. Thể hiện kỹ năng làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả với các bên liên quan để hoàn thành khoá luận tại cơ sở thực tập | 20 | Hoàn thành xuất sắc công việc đặt ra | Hoàn thành tốt công việc đặt ra | Hoàn thành công việc đặt ra | Chưa hoàn thành công việc đặt ra | 2,0 | |

Rubric 2. Chấm điểm của giáo viên phản biện (20%)

| Tiêu chí đánh giá | Trọng số (%) | Tốt 8,5-10 điểm | Khá 6,5 – 8,4 điểm | Trung bình 4,0 – 6,4 điểm | Kém 0 – 3,9 điểm | Điểm rubric | Điểm thành phần |
|---|--------------|--|---|--|--|-------------|-----------------|
| 2.1. Xác định tên đề tài phù hợp với nội dung nghiên cứu | 5 | Phù hợp với nội dung nghiên cứu | Khá phù hợp với nội dung nghiên cứu | Dài, có từ lặp, phù hợp trung bình với nội dung nghiên cứu | Không phù hợp với nội dung nghiên cứu | 0,5 | |
| 2.2. Viết phần mở đầu nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghiên cứu | 5 | Viết ngắn gọn, nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghiên cứu | Nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghiên cứu | Nêu được tầm quan trọng nhưng chưa rõ ràng về ý nghĩa của nghiên cứu | Chưa nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghiên cứu | 0,5 | |

| | | | | | | | |
|--|----|--|---|---|---|-----|--|
| 2.3. Viết tổng quan tài liệu phong phú và cập nhật | 15 | Tập hợp được tài liệu phong phú, cập nhật và liên quan đến vấn đề nghiên cứu | Tập hợp được tài liệu cập nhật và liên quan đến vấn đề nghiên cứu | Tập hợp được tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu | Tập hợp được ít tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu | 1,5 | |
| 2.4. Sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp | 20 | Mô tả đầy đủ và rõ ràng | Mô tả đầy đủ nhưng chưa rõ ràng | Mô tả rõ ràng nhưng chưa đầy đủ | Mô tả sơ sài | 2,0 | |
| 2.5. Viết kết quả đầy đủ | 20 | Kết quả thu được đầy đủ và diễn giải logic | Kết quả thu được đầy đủ nhưng diễn giải chưa logic | Kết quả thu được diễn giải logic nhưng chưa đầy đủ | Kết quả thu được chưa đầy đủ và diễn giải không logic | 2,0 | |
| 2.6. Viết thảo luận với tài liệu đã công bố | 10 | So sánh các kết quả thu được với >10 tài liệu đã công bố | So sánh các kết quả thu được với 5-10 tài liệu đã công bố | So sánh các kết quả thu được với <5 tài liệu đã công bố | Không so sánh các kết quả thu được với tài liệu đã công bố | 1,0 | |
| 2.7. Đưa ra kết luận và đề nghị ngắn gọn và trọng tâm | 10 | Ngắn gọn, nêu được những điểm mới và những điểm còn tồn tại | Nêu được những điểm mới và những điểm còn tồn tại | Chi liệt kê kết quả nghiên cứu | Chi liệt kê kết quả nghiên cứu và đề nghị không liên quan đến nội dung nghiên cứu | 1,0 | |
| 2.8. Sắp xếp bố cục đẹp | 5 | Bố cục cân đối | Khá cân đối | Đạt yêu cầu | Không đạt yêu cầu | 0,5 | |
| 2.9. Trích dẫn tài liệu tham khảo đầy đủ và đúng định dạng | 5 | Trích dẫn đầy đủ | Còn thiếu một số tài liệu chưa ghi nguồn trích dẫn | Thiếu nhiều tài liệu chưa ghi nguồn trích dẫn | Không ghi nguồn trích dẫn | 0,5 | |
| | 5 | Định dạng đúng quy định | 1-5 tài liệu chưa định dạng đúng quy định | 5-10 tài liệu chưa định dạng đúng quy định | >10 tài liệu chưa định dạng đúng quy định | 0,5 | |

Rubric 3. Chấm điểm của hội đồng thi tốt nghiệp (60%)

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm | Điểm rubric | Điểm thành phần |
|-----------------------|--------------|---|--|--|-----------------------------------|-------------|-----------------|
| 3.1 Viết phần đặt vấn | 10 | Viết ngắn gọn, nêu được tầm quan trọng và ý | Nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của | Nêu được tầm quan trọng nhưng chưa rõ ràng | Chưa nêu được tầm quan trọng và ý | 1,0 | |

| đề nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của nghiên cứu | | nghĩa của nghiên cứu | nghiên cứu | về ý nghĩa của nghiên cứu | nghĩa của nghiên cứu | | |
|--|----|--|---|---|---|-----|--|
| 3.2. Viết tổng quan tài liệu phong phú và cập nhật | 10 | Tập hợp được tài liệu phong phú, cập nhật và liên quan đến vấn đề nghiên cứu | Tập hợp được tài liệu cập nhật và liên quan đến vấn đề nghiên cứu | Tập hợp được tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu | Tập hợp được ít tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu | 1,0 | |
| 3.3. Sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp | 10 | Mô tả đầy đủ và rõ ràng | Mô tả đầy đủ nhưng chưa rõ ràng | Mô tả rõ ràng nhưng chưa đầy đủ | Mô tả sơ sài | 1,0 | |
| 3.4. Viết kết quả đầy đủ | 10 | Kết quả thu được đầy đủ và diễn giải logic | Kết quả thu được đầy đủ nhưng diễn giải chưa logic | Kết quả thu được diễn giải logic nhưng chưa đầy đủ | Kết quả thu được chưa đầy đủ và diễn giải không logic | 1,0 | |
| 3.5. Thiết kế slide trình bày trực quan | 15 | Slide rất trực quan và thẩm mỹ | Slide khá trực quan và thẩm mỹ | Slide tương đối trực quan và thẩm mỹ | Slide không trực quan và thẩm mỹ | 1,5 | |
| 3.6. Thể hiện kỹ năng trình bày thuyết phục | 25 | Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn | Trình bày rõ ràng nhưng lập luận khá lôi cuốn | Trình bày khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng | Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng | 2,5 | |

| | | | | | | | |
|---|----|--|----------------------------------|----------------------------------|---|-----|--|
| 3.7. Trả lời câu hỏi đầy đủ và thoả đáng | 20 | Trả lời các câu hỏi đầy đủ, rõ ràng, và thoả đáng | Trả lời đúng đa số câu hỏi | Trả lời đúng đa số câu hỏi | Không trả lời được các câu hỏi | 2,0 | |
|---|----|--|----------------------------------|----------------------------------|---|-----|--|

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự thực tập tốt nghiệp: sinh viên không hoàn thành thực hành sẽ không được nộp luận văn tốt nghiệp.

Yêu cầu về đạo đức: tuân thủ quy định của Học viện và tại cơ sở thực hiện thực tập tốt nghiệp.

Nộp luận văn chậm: tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm sẽ bị trừ 1 điểm.

Báo cáo tiến độ: sinh viên báo cáo tiến độ thực hiện đề tài thực tập tốt nghiệp theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* *Sách giáo trình/Bài giảng:*

* *Sách giáo trình/Bài giảng:*

1. Khoa Nông học. Tài liệu hướng dẫn viết đề cương thực tập tốt nghiệp, khoa Nông học
2. Bộ môn RHQCQ, 2020. Tài liệu hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp (Phiên bản 3).
3. Giáo trình/bài giảng có liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài

* *Các nghiên cứu, kết quả nghiên cứu:*

4. Vũ Thanh Hải, Phạm Văn Cường (2021). Ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ thay thế phân vô cơ đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng cam sành tại Bắc Quang – Hà Giang và CS1 tại Cao Phong – Hoà Bình. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2021, 19(2): 151-160.
5. Nguyễn Thị Phương, Vũ Thanh Hải, Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hải Xuân (2020). Đánh giá ảnh hưởng của biện pháp tia quả và vật liệu bao quả tới kích thước và chất lượng quả giống táo 05 (*ziziphus mauritiana lamk.*). Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 3/2020, 18(1): 14-23.
6. Đinh Hồng Duyên, Nguyễn Thế Bình và Vũ Thanh Hải (2017). Tuyển chọn vi khuẩn có khả năng phân huỷ phế phụ phẩm sau thu hoạch quả vải. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 53b: 61-70.

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Quy định về trách nhiệm của sinh viên:

- Sinh viên phải đảm bảo đúng tiến độ khi thực hiện khoá luận (xem bảng dưới đây). Trong trường hợp sinh viên không đảm bảo tiến độ ở bất cứ giai đoạn nào thì sẽ không được tiếp tục thực hiện khoá luận.

- Sinh viên phải thực hiện khoá luận theo đúng đề cương đã được phê duyệt.

- Sinh viên không được vi phạm quyền sở hữu trí tuệ dưới mọi hình thức.

| Tuần | Nội dung thực hiện | Số tiết chuẩn | Địa điểm |
|------|--|---------------|----------|
| 1-3 | Nội dung 1 : Chuẩn bị kế hoạch thực tập tốt nghiệp | | |

| | | | |
|--------------|---|------------|-----------------------|
| | 1.1. Lựa chọn chủ đề thực hiện thực tập tốt nghiệp | 2 | Tại Học viện và cơ sở |
| | 1.2. Chuẩn bị địa điểm và liên hệ giáo viên hướng dẫn tại cơ sở | 3 | Cơ sở |
| | 1.3. Hoàn thiện đề cương thực tập, thông qua giáo viên hướng dẫn | 3 | Tại Học viện |
| | 1.4. Nộp đề cương thực tập tốt nghiệp | 2 | Tại cơ sở và Học viện |
| 3-13 | Nội dung 2 : Triển khai đề tài nghiên cứu và thu thập số liệu | | |
| | 2.1. Triển khai các nội dung đề tài và báo cáo tiến độ lần 1: báo cáo kết quả nghiên cứu; chuẩn bị vật liệu, thiết kế và bố trí thí nghiệm. | 20 | Tại cơ sở và Học viện |
| | 2.2. Thực hiện đề tài và báo cáo tiến độ lần 2: báo cáo kết quả nghiên cứu; theo dõi các chỉ tiêu nghiên cứu theo đề cương. Điều chỉnh nghiên cứu nếu cần thiết. | 20 | Tại cơ sở và Học viện |
| | 2.3. Thực hiện đề tài và báo cáo tiến độ lần 3: báo cáo kết quả nghiên cứu; tiếp tục theo dõi các chỉ tiêu nghiên cứu theo đề cương. Thu thập tài liệu tổng quan. | 20 | Tại cơ sở và Học viện |
| | 2.4. Thực hiện đề tài và báo cáo tiến độ lần 4: báo cáo kết quả nghiên cứu; tiếp tục theo dõi các chỉ tiêu nghiên cứu theo đề cương; viết tổng quan tài liệu. | 20 | Tại cơ sở và Học viện |
| | 2.5. Thực hiện đề tài và báo cáo tiến độ 5: báo cáo kết quả nghiên cứu, tiếp tục theo dõi các chỉ tiêu nghiên cứu theo đề cương; tổng hợp số liệu, xử lý số liệu. | 20 | Tại cơ sở và Học viện |
| | 2.6. Thực hiện đề tài và báo cáo tiến độ lần 6: báo cáo kết quả nghiên cứu; lập bảng phân tích kết quả nghiên cứu và viết báo cáo. | 20 | Tại cơ sở và Học viện |
| 14-15 | Nội dung 3 : Viết báo cáo và nộp khóa luận | | |
| | 3.1. Viết báo cáo và gửi giáo viên hướng dẫn góp ý. | 10 | Tại Học viện |
| | 3.2. Hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, hồ sơ và nộp khoa luận. | 10 | Tại Học viện |
| | Tổng | 150 | |

13. Yêu cầu của giảng viên đối với khóa luận tốt nghiệp

- Phòng học trang bị máy chiếu, màn chiếu, máy tính, phòng thực hành, ruộng thực hành.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy:

Dụng cụ phục vụ thực tập tốt nghiệp: phòng nghiên cứu có cân điện tử, thước kẹp, thước dây, máy đo màu, máy đo pH/EC, máy đo khí khổng, cường độ hô hấp...

Vật liệu thực hành: vườn cây ăn quả phục vụ lấy mẫu, vườn ươm, nhà lưới, đất làm bầu, phân bón...

E-learning: phần mềm học trực tuyến MSTeams, máy tính kết nối internet...

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Vũ Thanh Hải

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Vũ Thanh Hải

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. *Ninh Chi Phiep*

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. *Phạm Văn Cường*

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách môn học

| | |
|--|---|
| Họ và tên: Vũ Thanh Hải | Học hàm, học vị: Tiến sĩ |
| Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Rau hoa quả và cảnh quan, khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Điện thoại liên hệ: 0912715234 |
| Email: vthai@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/nonghoc/rhq/index.php/ct-menu-item-3/11-gi-i-thi-u-b-mon/22-d-i-ngu-can-b |
| Cách liên lạc với giảng viên: | Email, điện thoại, gặp trực tiếp tại bộ môn |

Giáo viên giảng dạy học phần: các giáo viên thuộc khoa Nông học

| | |
|--|---|
| Họ và tên: Nguyễn Thị Phương | Học hàm, học vị: Thạc sĩ |
| Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Rau hoa quả và cảnh quan, khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Điện thoại liên hệ: 0983762512 |
| Email: phuonghoacaycanh@yahoo.com/ nguyenthiphuong@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/nonghoc/rhq/index.php/ct-menu-item-3/11-gi-i-thi-u-b-mon/22-d-i-ngu-can-b |
| Cách liên lạc với giảng viên: | Email, điện thoại, gặp trực tiếp tại bộ môn |

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018

Cập nhật CDR, chuyển tải CDR vào môn học.

Cải tiến phương pháp đánh giá theo rubric

Sắp xếp lại nội dung phù hợp với đáp giá theo chuẩn đầu ra và rubric.

- Lần 2: 7/ 2019

Bổ sung thêm học liệu e-learning (cập nhật nội dung, tương tác với sinh viên).

Cập nhật nội dung và kiến thức học phần theo xu hướng của Việt Nam và trên thế giới.

- Lần 3: 7/ 2020

Bổ sung phương pháp hướng dẫn online như sử dụng phần mềm MS Teams.

Cải tiến cách thực hiện thực hành, dự án thông qua ứng dụng online.

- Lần 4: 7/ 2021

Bổ sung phương pháp đánh giá, chấm luận văn online.

- Lần 5: 7/ 2022

Điều chỉnh định dạng tóm tắt khoá luận tốt nghiệp khi đưa lên website.